

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày: 08/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Liêm.

2. Ông Nguyễn Kiên Cường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2021/HSST ngày 06/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Phan Công Qu (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25 tháng 02 năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 11B, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phan Văn Gi và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị M và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017); tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1986; trú tại: Tổ 11B, phường Đ, thành phố B, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1983, trú tại: Tổ B, phường H, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

3. Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi B. Địa chỉ: Tổ 17, phường Ng, thành phố B, tỉnh B1. Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn Đ – Phó Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

4. Anh Ma Doãn Qu1, sinh năm 1989; trú tại: Thôn Đ, xã Tr, huyện Ch, tỉnh B1. Vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ch, tỉnh B1. Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn Hỷ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân xã M, huyện BT, tỉnh B1. Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Quyết Ch – Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Vắng mặt.

7. Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T; địa chỉ: Tổ 10, phường Ph, thành phố B, tỉnh B1. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Tr – Phó Giám đốc Công ty. Có mặt.

8. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 10, phường Ph, thành phố B. Có mặt.

9. Anh Quách Việt Th, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 15, phường Ng, thành phố B. Vắng mặt.

10. Anh Dương Văn H, sinh năm 1983; trú tại: Tổ 5, phường Ph, thành phố B. Vắng mặt.

11. Anh Ma Văn H, sinh năm 1969; trú tại: Thông Kh, xã Tr, huyện Ch, tỉnh B1. Vắng mặt.

12. Chị Phạm Thị Kim L, sinh năm 1990; trú tại: Tổ Kh, phường H, thành phố B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thường xuyên phải mua hàng hóa trong lĩnh vực xây dựng để phục vụ cho việc thi công các công trình và thấy một số người có nhu cầu mua hóa đơn để hợp lý hóa thủ tục thanh toán cho cơ quan, đơn vị nên tháng 6 năm 2016, Phan Công Qu đã mượn chứng minh thư nhân dân của anh Nguyễn Văn H để Qu làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập hộ kinh doanh Nguyễn Văn H, có địa điểm kinh doanh tại tổ 11B, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1 để kinh doanh vật liệu xây dựng và bán hóa đơn.

Ngày 17/6/2016, Phòng Tài chính – Kế hoạch, UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 13A8.004356 cho hộ kinh doanh Nguyễn Văn H, ngành nghề kinh doanh: Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị điện nước, thi công lắp đặt thiết bị xây dựng. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Qu trực tiếp làm thủ tục đăng ký thuế, có mã số thuế là 8053652356 và được cấp quyền hóa đơn số 001496, từ hóa đơn số 0074751 đến hóa đơn số 0074800 do Cục Thuế tỉnh B1 ban hành. Quý là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động kinh doanh và quản lý toàn bộ hồ sơ giấy tờ pháp lý, hóa đơn. Tất cả các hóa đơn, chứng từ đều do Qu tự ký, tự viết tên Nguyễn Văn H.

Trong thời gian quản lý và điều hành hộ kinh doanh Nguyễn Văn H, từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2018, Phan Công Qu đã bán 15 (mười lăm) hóa đơn nhưng không có giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho các cá nhân trên địa bàn tỉnh B1, mỗi hóa đơn người mua hóa đơn sẽ trả cho Qu tiền mua hóa đơn tính theo tỷ lệ % số tiền ghi không trên hóa đơn (3,5%, 5%, 7%). Tổng số tiền ghi trên 15 hóa đơn Qu bán là 184.792.000 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng). Số tiền Qu thu được từ việc bán 15 hóa đơn là 7.688.525 đồng (Bảy triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn năm trăm hai mươi

năm đồng), số tiền trên Qu đã nộp thuế, phí cho cơ quan thuế là 6.094.295 đồng (Sáu triệu không trăm chín mươi tư nghìn hai trăm chín năm đồng), số tiền Qu thu lợi bất chính là 1.594.230 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi tư nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Cụ thể như sau:

1. Bán cho anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1983, trú tại tổ B, phường H, thành phố B, tỉnh B1 – Nhân viên Công ty TNHH một thành viên Qu (sau đây viết tắt là Công ty TNHH MTV Quản lý, KTCTTL B).

Năm 2016, Công ty TNHH MTV Quản lý, KTCTTL B giao cho Xí nghiệp khai thác dịch vụ - Tư vấn và xây lắp công trình (đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Quản lý, KTCTTL B) tổ chức thi công và hoàn thiện thủ tục để quyết toán công trình khi hoàn thành đối với 02 công trình gồm: Công trình thủy lợi khai hoang Ph, xã C, huyện P, tỉnh B1 và công trình đập kênh T, xã A, huyện P, tỉnh B1. Quá trình thi công các công trình, anh Nguyễn Tuấn A và anh Quách Việt Th – là nhân viên công ty đã mua nguyên vật liệu để thi công nhưng không lấy hóa đơn, nên sau khi thi công xong, anh Nguyễn Tuấn A đã liên hệ và mua của Qu 02 hóa đơn bán hàng sau:

- Hóa đơn số 0074757 ngày 15/11/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Quách Việt Th, đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi B. Tên hàng hóa, dịch vụ: Cát, đá 1 x 2, xi măng. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 2.380.000đ (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074758 ngày 16/11/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Quách Việt Th, đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi B. Tên hàng hóa, dịch vụ: Cát vàng, cát mịn, đá dăm 1 x 2, xi măng. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 5.870.000đ (Năm triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Sau khi mua 02 hóa đơn trên Tuấn A đưa cho Th để Th ký tên vào phần người mua hàng rồi sử dụng hóa đơn làm thủ tục quyết toán.

Năm 2018, Công ty TNHH MTV Quản lý, KTCTTL B giao cho Xí nghiệp khai thác dịch vụ - Tư vấn và xây lắp công trình tổ chức thi công và hoàn thiện thủ tục để quyết toán công trình khi hoàn thành đối với các công trình: Công trình sửa chữa thường xuyên phai Ph, xã D, thành phố B, tỉnh B1 và công trình sửa chữa thường xuyên phai Ph, xã D, thành phố B, tỉnh B1 (đợt 2); công trình sửa chữa thường xuyên đập Ph, phường X, thành phố B, tỉnh B1. Quá trình thi công ông Dương Văn H - Trạm trưởng trạm quản lý thủy nông thành phố B là người chịu trách nhiệm giám sát kỹ thuật và đôn đốc thực hiện công trình. Ông H đã nhờ anh Nguyễn Tuấn A mua một số nguyên vật liệu xây dựng (xi măng, cát, đá...) để thi công công trình và cung cấp hóa đơn cho H phục vụ quyết toán. Anh Nguyễn Tuấn A mua nguyên vật liệu xây dựng nhưng không có hóa đơn nên đã liên hệ và mua của Quý 03 (ba) hóa đơn bán hàng gồm:

- Hóa đơn số 0074784 ngày 07/6/2018, ghi nội dung: Người mua hàng Dương Văn H, đơn vị: Trạm QLNTTP - Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác

công trình thủy lợi B. Tên hàng hóa, dịch vụ: Đá học, cây chống. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074785 ngày 08/6/2018, ghi nội dung: Người mua hàng Dương Văn H, đơn vị: Trạm QLTNP - Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi B. Tên hàng hóa, dịch vụ: Xi măng, cát, gạch chỉ. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 2.588.000đ (Hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074786 ngày 15/6/2018, ghi nội dung: Người mua hàng Dương Văn H, đơn vị: Trạm QLTNP - Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi B. Tên hàng hóa, dịch vụ: Đá học, cây chống. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 7.230.000đ (Bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Sau khi mua 03 hóa đơn trên Nguyễn Tuấn A đã cung cấp cho H để H là người ký tên vào phần người mua hàng rồi sử dụng hóa đơn đó làm thủ tục quyết toán.

Với mục đích sau này khi kê khai, quyết toán thuế không bị cơ quan thuế xử lý về việc kê khai, chậm nộp tiền thuế, Qu đã viết ngày trên hóa đơn bán cho Nguyễn Tuấn A liên 1, 3 và liên 2 không trùng nhau. Ngày ghi trên hóa đơn liên 2 là ngày thực tế Quý viết và giao hóa đơn cho Nguyễn Tuấn A. Còn ngày ghi trên hóa đơn liên 1, 3 Qu đã viết đầy ngày lên để phục vụ khi quyết toán thuế, cụ thể: Hóa đơn số 0074784: Liên 1, 3 ghi ngày 22/6/2018; liên 2 ghi ngày 07/6/2018; hóa đơn số 0074785: Liên 1, 3 ghi ngày 22/6/2018; liên 2 ghi ngày 08/6/2018; hóa đơn số 0074786: Liên 1, 3 ghi ngày 23/6/2018; liên 2 ghi ngày 15/6/2018.

Toàn bộ 05 (Năm) hóa đơn (liên 2) số 0074757, 0074758, 0074784, 0074785, 0074786 của hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hiếu đều được các đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi B sử dụng để thanh quyết toán các công trình do các đơn vị trực thuộc trực tiếp thi công, sửa chữa. Tổng số tiền ghi trên 05 (Năm) hóa đơn là 25.268.000 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Mỗi hóa đơn Phan Công Qu bán cho Nguyễn Tuấn A, Quý thu của Nguyễn Tuấn A số tiền bằng 5% tổng số tiền ghi trên hóa đơn. Số tiền Quý thu được từ việc bán hóa đơn cho Nguyễn Tuấn A là $25.268.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.263.400 \text{ đồng}$ (Một triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng), số trên Qu đã nộp tiền thuế, phí cho cơ quan thuế là 338.250 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng), số tiền Qu thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép là 925.150 đồng (Chín trăm hai mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

2. Bán cho anh Ma Doãn Qu1, sinh năm 1989, trú tại thôn B, xã Tr, huyện Ch, tỉnh B1.

Năm 2016, UBND xã B, huyện Ch, tỉnh B1 có thuê anh Ma Doãn Qu1 thi công công trình nhà vệ sinh trụ sở UBND xã và công trình lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt trụ sở UBND xã B. Quá trình thi công Qu1 tự mua nguyên vật liệu nhưng không có hóa đơn. Để hợp thức hóa thủ tục thanh quyết toán công trình,

do ông Qu1 không đủ điều kiện để ký hợp đồng với UBND xã B nên đã liên hệ với Qu để nhờ hộ kinh doanh Nguyễn Văn H đứng tên ký hợp đồng với UBND xã B và mua của Qu 02 (hai) hóa đơn bán hàng, cụ thể:

- Hóa đơn số 0074753 ngày 19/7/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Ma Văn H, đơn vị: UBND xã B, huyện Ch, tỉnh B1. Tên hàng hóa, dịch vụ: Ống HPPE, PVC, van, máy bơm, téc nước. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 5.130.000đ (Năm triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074754 ngày 19/7/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Ma Văn H, đơn vị: UBND xã B, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn. Tên hàng hóa, dịch vụ: Quyết toán công trình nhà vệ sinh trụ sở Ủy ban. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Sau khi mua 02 hóa đơn trên, Qu1 đưa cho ông Ma Văn H - Cán bộ địa chính kiêm quản lý mảng xây dựng cơ bản của UBND xã B ký vào phần người mua hàng. Sau đó Qu1 cung cấp 02 (hai) hóa đơn trên cho UBND xã B, huyện Ch, tỉnh B1 sử dụng để quyết toán công trình vào tháng 8/2016. Tổng số tiền ghi trên 02 (hai) hóa đơn số 0074753 và 0074754 là 18.130. 000 đồng (Mười tám triệu một trăm ba mươi nghìn đồng). Mỗi hóa đơn Phan Công Qu bán cho Ma Doãn Qu1, Qu thu của Qu1 số tiền bằng 7% tổng số tiền ghi trên hóa đơn. Số tiền Qu thu được từ việc bán hóa đơn cho Qu1 là $18.130. 000 \text{ đồng} \times 7\% = 1.269.100 \text{ đồng}$ (Một triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn một trăm đồng). Số tiền trên Qu đã nộp thuế, phí cho cơ quan thuế là 661.950 đồng (Sáu trăm sáu mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng), số tiền Qu thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép là 607.150 đồng (Sáu trăm linh bảy nghìn một trăm năm mươi đồng).

Năm 2017, UBND xã M, huyện B, tỉnh B1 có thuê anh Ma Doãn Qu1 thi công công trình khắc phục xói lở kênh mương thôn Bản Luông II và khu vực có nguy cơ xói lở ruộng của các hộ thôn N, xã M, huyện B, tỉnh B1. Quá trình thi công Qu1 tự mua nguyên vật liệu nhưng không có hóa đơn. Để hợp thức hóa thủ tục thanh quyết toán công trình, do Qu1 không đủ điều kiện để ký hợp đồng với UBND xã M nên đã liên hệ với Qu để nhờ hộ kinh doanh Nguyễn Văn H đứng tên ký hợp đồng với UBND xã M và mua của Qu 01 (một) hóa đơn bán hàng số 0074771 ngày 09/3/2017 ghi nội dung: Người mua hàng Phạm Thị Kim L, đơn vị: UBND xã M, huyện B, tỉnh B. Tên hàng hóa, dịch vụ: Ống cống, gạch, xi măng, cát xây. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 5.921.000đ (Năm triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng) nhưng không có hàng hóa kèm theo rồi đưa cho chị Phạm Thị Kim L - Cán bộ địa chính UBND xã M, huyện B, tỉnh B1 ký vào phần người mua hàng và cung cấp hóa đơn cho UBND xã M, huyện B, tỉnh B1 để quyết toán công trình vào tháng 3/2017.

Số tiền ghi trên hóa đơn số 0074771 là 5.921.000 đồng (Năm triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng). Phan Công Qu thu của Qu1 số tiền bằng 7% tổng số tiền ghi trên hóa đơn là $5.921.000 \text{ đồng} \times 7\% = 414.470 \text{ đồng}$ (Bốn trăm mười bốn nghìn bốn trăm bảy mươi đồng), số tiền Qu thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép là 414.470 đồng (Bốn trăm mười bốn nghìn bốn trăm bảy mươi đồng).

3. Bán cho Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1987; trú tại tổ 10, phường Ph, thành phố B - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T

Năm 2016, Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T có thi công công trình: Sửa chữa kênh N, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh B1 và công trình sửa chữa kênh P, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh B1. Nguyễn Văn Tr là người trực tiếp phụ trách, điều hành hoạt động thi công. Quá trình thi công Nguyễn Văn Tr đã mua nguyên vật liệu xây dựng tại địa phương nhưng không lấy hóa đơn. Để hợp thức hóa chứng từ đầu vào và phục vụ quyết toán, Tr đã liên hệ và mua của Qu 07 (bảy) hóa đơn bán hàng đều ghi ngày 16/11/2016 nhưng không có hàng hóa kèm theo, cụ thể:

- Hóa đơn số 0074759 ngày 16/11/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Lục Thị H1, đơn vị: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T. Tên hàng hóa, dịch vụ: Cát mịn, đá dăm, thép, xi măng. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 19.844.000đ (Mười chín triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074760 ngày 16/11/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Lục Thị H1, đơn vị: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thanh M. Tên hàng hóa, dịch vụ: Đá 1 x 2. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 19.780.000đ (Mười chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074761 ngày 16/11/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Lục Thị H1, đơn vị: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thanh Mai. Tên hàng hóa, dịch vụ: Cát bê tông. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 19.387.000đ (Mười chín triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074762 ngày 16/11/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Lục Thị H1, đơn vị: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T. Tên hàng hóa, dịch vụ: Cát bê tông. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 19.387.000đ (Mười chín triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074763 ngày 16/11/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Lục Thị H, đơn vị: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T. Tên hàng hóa, dịch vụ: Đá học. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 19.440.000đ (Mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074765 ngày 16/11/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Lục Thị H1, đơn vị: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T. Tên hàng hóa, dịch vụ: Đá học, xi măng. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 19.635.000đ (Mười chín triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Hóa đơn số 0074766 ngày 16/11/2016, ghi nội dung: Người mua hàng Lục Thị H1, đơn vị: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T. Tên hàng hóa, dịch vụ: Đá học. Số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Tổng số tiền ghi trên 07 (bảy) hóa đơn là 135.473.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Mỗi hóa đơn Phan Công Qu bán cho Tr, Qu thu của Tr số tiền bằng 3,5% tổng số tiền ghi trên hóa đơn. Số tiền Qu thu được từ việc bán hóa đơn cho Tr là $135.473.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 4.741.555 \text{ đồng}$ (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn năm trăm năm mươi

lăm đồng), số tiền thuế, phí Qu đã nộp thuế cho cơ quan thuế là 5.094.095 đồng (Năm triệu không trăm chín mươi tư nghìn không trăm chín mươi lăm đồng).

Ngày 20/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với mẫu chữ ký Nguyễn Văn H tại phần người bán hàng trên các liên hóa đơn mà Phan Công Qu đã bán cho các cá nhân, công ty nói trên.

Tại Bản kết luận giám định số 24 ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận:

- Chữ “H” và các chữ viết “Nguyễn Văn H” dưới mục người bán hàng trong các mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H tại biên bản lấy mẫu chữ ký, chữ viết và bản tường trình của Nguyễn Văn H không phải do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ “H” và các chữ viết “Nguyễn Văn H” dưới mục người bán hàng trong các mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết của Phan Công Qu tại biên bản lấy mẫu chữ ký, chữ viết và bản tường trình của Phan Công Qu là do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 02/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Phan Công Qu về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.....”

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và bổ sung phần tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phan Công Qu phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh B1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phan Công Qu số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.594.230đ (Một triệu năm trăm chín mươi tư nghìn hai trăm ba mươi đồng) bị cáo thu lợi bất chính.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin hưởng mức áp thấp nhất, hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phan Công Qu khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2018, Phan Công Qu là người quản lý, điều hành hộ kinh doanh Nguyễn Văn H đã có hành vi bán trái phép 15 (mười lăm) số hóa đơn bán hàng, có ghi nội dung tên hàng hóa nhưng không có giao dịch hàng hóa kèm theo cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua hóa đơn, với tổng số tiền ghi trên 15 hóa đơn bán hàng là 184.792.000 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng), Qu thu được số tiền là 7.688.525 đồng (Bảy triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn năm trăm hai mươi năm đồng), số tiền trên Qu đã nộp thuế, phí cho cơ quan thuế là 6.094.295 đồng (Sáu triệu không trăm chín mươi tư nghìn hai trăm chín năm đồng), thu lợi bất chính là 1.594.230 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi tư nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Do đó, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước và ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế, an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định và rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo đồng thời cũng tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa sai phạm của mình và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

* Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

* Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 1.594.230đ (Một triệu năm trăm chín mươi tư nghìn hai trăm ba mươi đồng) bị cáo đã nộp trong giai đoạn điều tra, xác định đây là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội, do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

* Đối với anh Nguyễn Văn H là người đã cho Phan Công Qu mượn chứng minh nhân dân để thành lập hộ kinh doanh, nhưng anh Hiếu không biết, không tham gia điều hành hoạt động kinh doanh cũng như không được hưởng lợi gì từ hoạt động mua bán hóa đơn của Qu nên không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với anh Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tuấn A và Ma Doãn Qu1 là những người đã mua hóa đơn của Qu. Tuy nhiên, số lượng hóa đơn đều dưới 10 hóa đơn, không thu lợi bất chính nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, vì vậy không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

- Đối với Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T, Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi B; UBND xã B, huyện Ch, tỉnh B và UBND xã M, huyện B, tỉnh B đã sử dụng các hóa đơn khống để thanh quyết toán công trình là hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn đã chuyển các tài liệu có liên quan cho Cục thuế tỉnh B1 để xử lý theo thẩm quyền.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Phan Công Qu phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Công Qu 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố B, tỉnh B1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phan Công Qu số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.594.230đ (Một triệu năm trăm chín mươi tư nghìn hai trăm ba mươi đồng) bị cáo Phan Công Qu đã nộp tại giai đoạn điều tra hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Công Qu phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan **CSĐT** Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Sở tư pháp;
- UBND phường Đức Xuân,
thành phố Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương